

TỔNG CÔNG TY ĐATHH MIỀN BẮC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HÀNG HẢI KHU VỰC II

Số: 527a /CTHTTHKV II

V/v kê khai giá dịch vụ
hoa tiêu hàng hải

Hải phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: - Bộ Tài chính
- Cục Quản lý giá
- Cục Hàng hải Việt Nam
- Sở Tài chính Hải Phòng

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá ;

Căn cứ Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 09/12/2016 về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam;

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực II gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2017.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực II xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai. /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CVHH Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình
- TCT ĐATHH miền Bắc (để b/c);
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc
- Lưu: TCKT, KTKH, VT



GIÁM ĐỐC

BÙI ĐỨC HIỆP

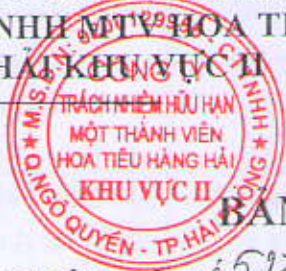
- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Nguyễn Quang Huy
- Số điện thoại liên lạc: (031)3827511
- Số fax: (031)3652300

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

1. (Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Văn bản không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá kê khai mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Văn bản thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá kê khai.





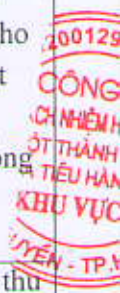
BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 527/CTHTTHHKV II ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II)

Mức giá kê khai đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng khác 10% thì giá dịch vụ phải trả bằng giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng cộng với mức thuế giá trị gia tăng phải nộp.

1/ Mức giá kê khai (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa							
1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý		Đồng/GT	Chưa có	66,00	không	không	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu 330.000 đồng /1 lượt di chuyển
2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên		Đồng/GT/HL	Chưa có	27,50	không	không	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 330.000 đồng /1 lượt di chuyển)
3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với các loại tàu thuyền còn lại (theo Mục 9 khoản 1 Điều 9 Quyết định 3946/QĐ-BGTVT)		Đồng/GT/HL	Chưa có	27,50	không	không	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 550.000 đồng/1 lượt dẫn tàu



II	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế						
1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	USD/1 lượt dẫn tàu	Chưa có	44	không	không	
2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	USD/GT	Chưa có	0,0165	không	không	Số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu: 110 USD /1 lượt di chuyển
3	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định tại Mục 1 và Mục 2 trên đây (theo Khoản 2 Điều 10 Quyết định 3946/QĐ-BGTVT)	USD/GT/HL -Đến 10 hải lý -Từ trên 10 hải lý đến 30 hải lý -Từ trên 30 hải lý	Chưa có	0,00374 0,00242 0,00165	không	không	Giá thấp nhất cho 1 tàu /1 lượt dẫn tàu: 330 USD /1 lượt dẫn tàu

2/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Trước đây Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II thực hiện theo Thông tư số 01/2016/TT-BTC ngày 05/01/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải nên chưa có kê khai giá (thuộc trường hợp không phải kê khai giá), hiện nay thực hiện theo Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 09 tháng 12 năm 2016 về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II thực hiện kê khai giá lần đầu nên không có điều chỉnh tăng/giảm.

3/ Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)

Các quy định cụ thể được áp dụng theo Khoản 2 Điều 9 và Khoản 3 Điều 10 Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 09/12/2016 về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam.

3.1/ Đối với vận tải nội địa:

a) Trường hợp hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 3 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi theo mức như sau:

- Hoa tiêu: 22.000 đồng/1 người/1 giờ;

- Hoa tiêu và phương tiện: 220.000 đồng/1 người và phương tiện/1 giờ.

Hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 4 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và tàu

phải trả 80% số tiền thu giá hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá trong Bảng giá dịch vụ quy định tại Mục 1 Bảng kê khai này;

b) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn áp dụng giá hoa tiêu bằng 110% mức giá trong Bảng giá dịch vụ quy định tại Mục 1 Bảng kê khai này;

c) Tàu thuyền không vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật áp dụng giá hoa tiêu bằng 150% mức giá trong Bảng giá dịch vụ quy định tại Mục 1 Bảng kê khai này;

d) Tổ chức, cá nhân có tàu thuyền chờ khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/1 tháng/1 khu vực hàng hải áp dụng giá hoa tiêu bằng 50% mức giá trong Bảng giá dịch vụ quy định tại Mục 1 Bảng kê khai này đối với các tàu thuyền chờ khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu;

đ) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện phát sinh cho việc đưa đón hoa tiêu. Mức thu chi phí phương tiện không vượt quá 330.000 đồng/1 tàu/1 lần;

e) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ mà đại diện chủ tàu đã yêu cầu và được cảng vụ hàng hải, hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa có mặt khiến tàu phải chờ đợi thì hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu là 275.000 đồng/giờ tính trên số giờ mà tàu thuyền phải chờ đợi thực tế;

g) Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải thì thu bằng số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này;

h) Tàu thuyền vào, rời cảng để bàn giao người cứu được trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải; Tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc phạm vi đối tượng thu giá hoa tiêu.

3.2/ Đối với vận tải quốc tế:

a) Trường hợp huỷ bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 3 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 8 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi với mức thu 11 USD/1 người/1 giờ, 22 USD/1 người và phương tiện/1 giờ.

Hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 4 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã huỷ bỏ và tàu phải trả 80% số tiền phí hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức thu quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này;

b) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn áp dụng giá hoa tiêu bằng 110% mức giá quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này;

c) Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật áp dụng giá hoa tiêu bằng 150% mức giá quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

d) Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại điểm a, b và c nêu trên) áp dụng giá hoa tiêu bằng 110% mức giá quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này;

đ) Hoa tiêu đã đến vị trí nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng (có xác nhận của cảng vụ hàng hải) thì số tiền thu giá hoa tiêu bằng 330 USD;



e) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người vận chuyển phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Mức thu chi phí phương tiện không quá 33 USD/tàu/lần;

g) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đại diện chủ tàu thuyền đã yêu cầu, đã được cảng vụ hàng hải và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì hoa tiêu phải trả tiền cho tàu thuyền, tiền chờ đợi là 110 USD/giờ, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi;

h) Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 3 chuyến/1 tàu/1 tháng thì từ chuyến thứ 4 trở đi của tàu này trong tháng áp dụng giá hoa tiêu bằng 80% mức giá quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này, nhưng số tiền thu giá hoa tiêu cho một lượt dẫn tàu không thấp hơn 330 USD;

i) Tổ chức, cá nhân có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/1 tháng/1 khu vực hàng hải áp dụng giá hoa tiêu bằng 50% mức giá quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này, nhưng số tiền thu giá hoa tiêu cho một lượt dẫn tàu không thấp hơn 330 USD;

k) Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời khu vực hàng hải áp dụng giá hoa tiêu bằng 40% mức giá quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này, nhưng số tiền thu giá hoa tiêu cho một lượt dẫn tàu không thấp hơn 330 USD;

l) Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng mức thu giá hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa;

m) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách áp dụng giá hoa tiêu bằng 70% mức giá quy định trong Bảng giá dịch vụ tại Mục 1 Bảng kê khai này;

n) Tàu thuyền vào, rời cảng để bàn giao người cứu được trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không thuộc phạm vi đối tượng thu giá hoa tiêu.

Mức giá kê khai này thực hiện từ 00 giờ ngày 01/01/2017.